

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **94** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn T** - Sinh năm 1984.

Trú quán: Thôn K - P - L - Bắc Giang. Có mặt.

* Bị đơn: Chị **Tô Thị H** - Sinh năm 1983.

Trú quán: Thôn K - P - L - Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 và những lời khai của nguyên đơn anh Vũ Văn T, lời khai của bị đơn chị Tô Thị H và trong quá trình xét xử, nội dung vụ án như sau:

Anh Vũ Văn T kết hôn với chị Tô Thị H vào ngày 26 tháng 7 năm 2007. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung với gia đình nhà chồng sau đó ra ở riêng tại thôn K - P - L - Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh

phúc. Anh T cho rằng năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 01 năm 2019 thì mâu thuẫn càng tăng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Chị H thì cho rằng giữa chị và anh T trong cuộc sống vợ chồng cũng có lúc xảy ra xô sát tuy nhiên đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống chưa đến mức trầm trọng. Chị H xác định vào tháng 3 năm 2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 8 năm 2019 thì anh T về nước. Trong thời gian đó anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên về nhà ruộng rẫy bỏ vợ con và đòi ly hôn với chị H. Nay chị H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh T, anh T xin ly hôn chị không đồng ý và đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Nếu anh T cương quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T chị H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Yến N - Sinh ngày 18/3/2008, cháu Vũ Thị Thu T - Sinh ngày 01/02/2010 và cháu Vũ Văn Tiến Đ - Sinh ngày 11/01/2014. Vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, Chị H đồng ý để anh T nuôi dưỡng cả ba con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị H đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không kê khai, không liên quan vay nợ. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Các cháu Vũ Thị Yến N, và Vũ Thị Thu T đều trình bày nguyện vọng muốn ở với anh T.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H và giải quyết việc nuôi con chung. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh T vẫn còn, mong anh T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung khôn lớn trưởng thành. Nhưng nếu anh T cương quyết xin ly hôn thì chị H cũng chấp nhận ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Vũ Văn T. Cho anh Vũ Văn T được ly hôn với chị Tô Thị H.

-Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc ba con chung là cháu Vũ Thị Yến N - Sinh ngày 18/3/2008, cháu Vũ Thị Thu T - Sinh ngày 01/02/2010 và cháu Vũ Văn Tiến Đ - Sinh ngày 11/01/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí anh Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Vũ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với chị Tô Thị H. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Văn Thiệu và chị Tô Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2007, vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh T làm đơn xin ly hôn chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy anh T, chị H có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không còn quan tâm tới nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay anh T kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với chị H, chị H đề nghị anh T suy nghĩ lại về đoàn tụ vợ chồng,

nếu anh T kiên quyết xin ly hôn chị H cũng đành chấp nhận. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh T. Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Tô Thị H.

[3] Về con chung:

Anh T, chị H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Yến N - Sinh ngày 18/3/2008, cháu Vũ Thị Thu T - Sinh ngày 01/02/2010 và cháu Vũ Văn Tiến Đ - Sinh ngày 11/01/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị H cùng thống nhất việc nuôi con chung, tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được nuôi cả ba con chung là cháu Vũ Thị Yến N - Sinh ngày 18/3/2008, cháu Vũ Thị Thu T - Sinh ngày 01/02/2010 và cháu Vũ Văn Tiến Đ - Sinh ngày 11/01/2014, chị H cũng đồng ý. Cháu Vũ Thị Yến N và cháu Vũ Thị Thu T đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh T. Nên để đảm bảo quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử cần giao cháu Vũ Thị Yến N - Sinh ngày 18/3/2008, cháu Vũ Thị Thu T - Sinh ngày 01/02/2010 và cháu Vũ Văn Tiến Đ - Sinh ngày 11/01/2014 cho anh T được nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh T, chị H. Phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu T và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Vũ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Về các lễ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Tô Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Vũ Thị Yến N - Sinh ngày 18/3/2008, cháu Vũ Thị Thu T - Sinh ngày 01/02/2010 và cháu Vũ Văn Tiến Đ - Sinh ngày 11/01/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005709 ngày 17/9/2019. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng